

Chinh phục 「ように」 (Mục đích)

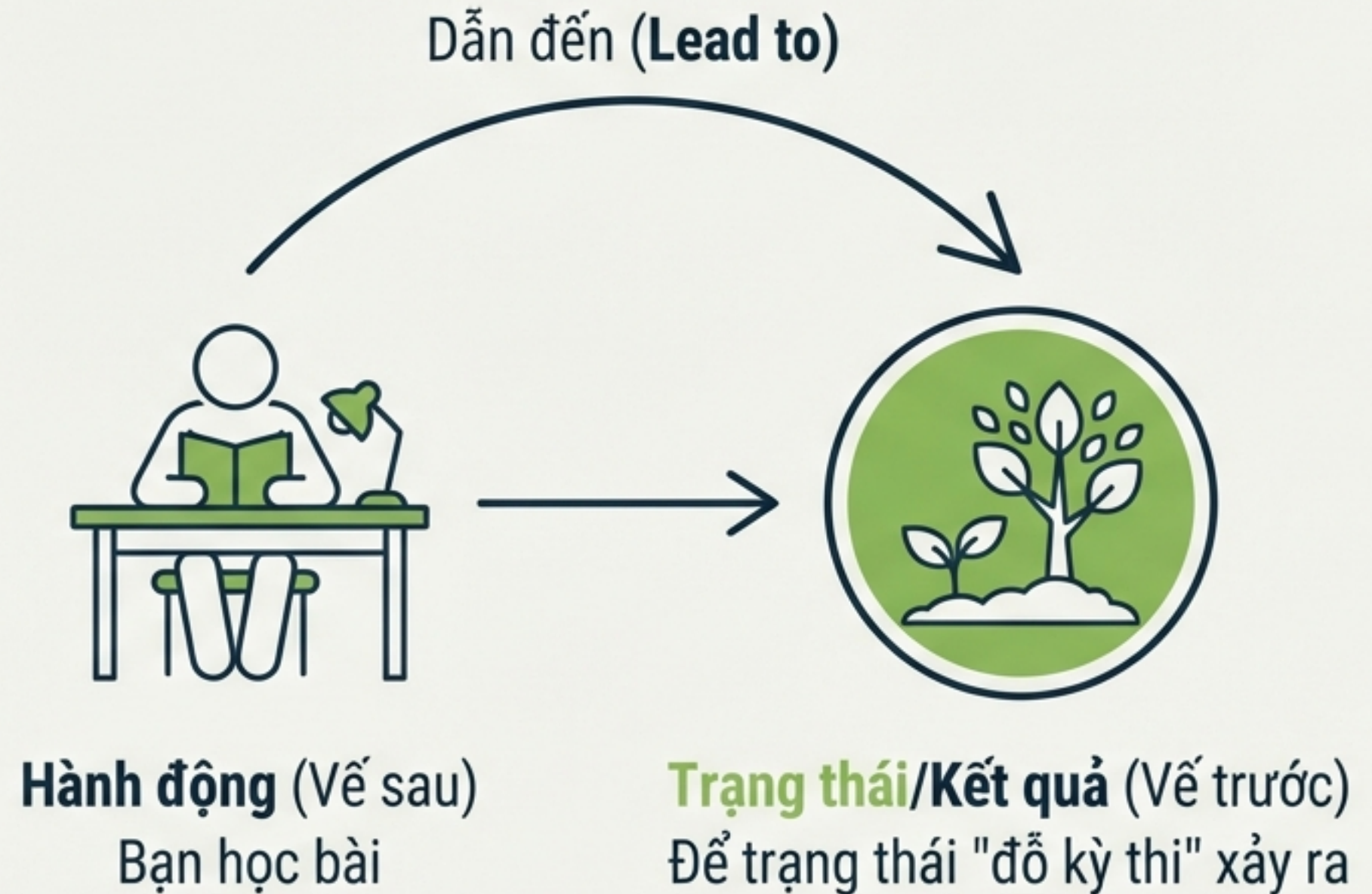


Diễn đạt mục đích và mong muốn một cách tự nhiên như người Nhật.
Dành cho các bạn du học sinh tại Nhật Bản.

Bản chất của ように: Hướng tới một "Trạng thái"

Định nghĩa cốt lõi:

- Không chỉ đơn giản là "để".
- Nó diễn tả hành động làm A để **trạng thái B** xảy ra.
- Từ khóa: **Trạng thái mong muốn** (Desired State)



Công thức kết hợp (Cấu trúc)

V (Thể thông thường) + ように

1. Động từ Vô ý chí
(Tự nó xảy ra)

Ví dụ: 治る (khỏi bệnh),
開く (mở)

2. Động từ Thể Khả năng
(Có thể làm gì)

Ví dụ: 行ける (có thể đi),
合格できる (có thể đỗ)

3. Động từ Thể Phủ định
(Không để điều gì xảy ra)

Ví dụ: 忘れない (không quên)

⚠ Lưu ý quan trọng: KHÔNG dùng Động từ ý chí (Volitional Verbs) như “ăn”, “đi”, “mua” ở dạng từ điển trực tiếp trước ように.

Cách dùng 1: Đạt được khả năng (Thể Khả năng)

Làm gì đó để **có thể** làm được việc khác.



JLPTに**合格できる**ように、勉強します。

Tôi học để **có thể đỗ** JLPT.

漢字が**読める**ように、練習します。

Tôi luyện tập để **có thể đọc** được Kanji.

Cách dùng 2: Phòng tránh (Thể Phủ định)

Làm gì đó để một trạng thái xấu **không xảy ra**.



約束を**忘れない**ように、メモします。
Tôi ghi chú lại để **không quên** cuộc hẹn.

時間に**遅れない**ように、早く家を出ます。
Tôi ra khỏi nhà sớm để **không bị trễ** giờ.

Cách dùng 3: Trạng thái tự nhiên (Động từ Vô ý chí)

Trạng thái tự nhiên, giác quan hoặc máy móc tự động.



👁️ 見える (nhìn thấy)

👂 聞こえる (nghe thấy)

🩹 治る (khỏi bệnh)

🌀 入る (gió vào)

後ろの人にも聞こえるように、大きい声で話します。

Tôi nói to để người phía sau cũng nghe thấy.

風邪が早く治るように、薬を飲みます。

Tôi uống thuốc để cảm cúm nhanh khỏi.

Điểm đặc biệt: Chủ ngữ khác nhau

ように cho phép chủ ngữ của hai vế câu là **hai người khác nhau**.



子供が食べられるように、(母は) 野菜を小さく切ります。

Mẹ cắt nhỏ rau để con có thể ăn được.

Phân biệt: ように vs. ために (Phần 1: Cảm giác)

ために (Tame ni)



- Ý chí **mạnh mẽ**.
- Kiểm soát **100%**.
- Mục tiêu **trực tiếp**: Tôi quyết làm.

ように (Yō ni)



- Hy vọng / **Mong muốn**.
- Quá trình / **Trạng thái**.
- Kết quả tự nhiên: Tôi làm để cầu mong kết quả đến.

Phân biệt: ように vs. ために (Phần 2: Ngữ pháp)

Đặc điểm	● ために (Tame ni)	● ように (Yō ni)
Động từ đi kèm	Động từ Ý chí (V-Jisho) (Mua, đi, ăn, làm)	Động từ Vô ý chí Thể Khả năng Thể Phủ định
Chủ ngữ	Phải CÙNG một người	Có thể KHÁC người
Danh từ	N + の + ために	Không dùng (cho mục đích)

Ví dụ so sánh thực tế

Tình huống: Mua nhà

Case A: Ý chí (Will)



家を買う (Động từ ý chí) → **ために**
家を買うために、貯金します。
Tôi tiết kiệm để **mua** nhà.

Case B: Khả năng (Potential)



家を買う (Thể khả năng) → **ように**
家を買うように、貯金します。
Tôi tiết kiệm để **có thể mua** được nhà.

Chỉ cần đổi từ "**Mua**" sang "**Có thể mua**", trợ từ sẽ đổi từ **ために** sang **ように**.

Lỗi sai thường gặp (Cần tránh!)

1. Dùng `ために` với thể phủ định (Nai-kei).

~~✗ 忘れないために、メモします。~~

✓ 忘れないように、メモします。

Lý do: "Không quên" là một trạng thái, không phải hành động ý chí trực tiếp.

2. Dùng `ために` với thể khả năng.

~~✗ 合格できるために...~~

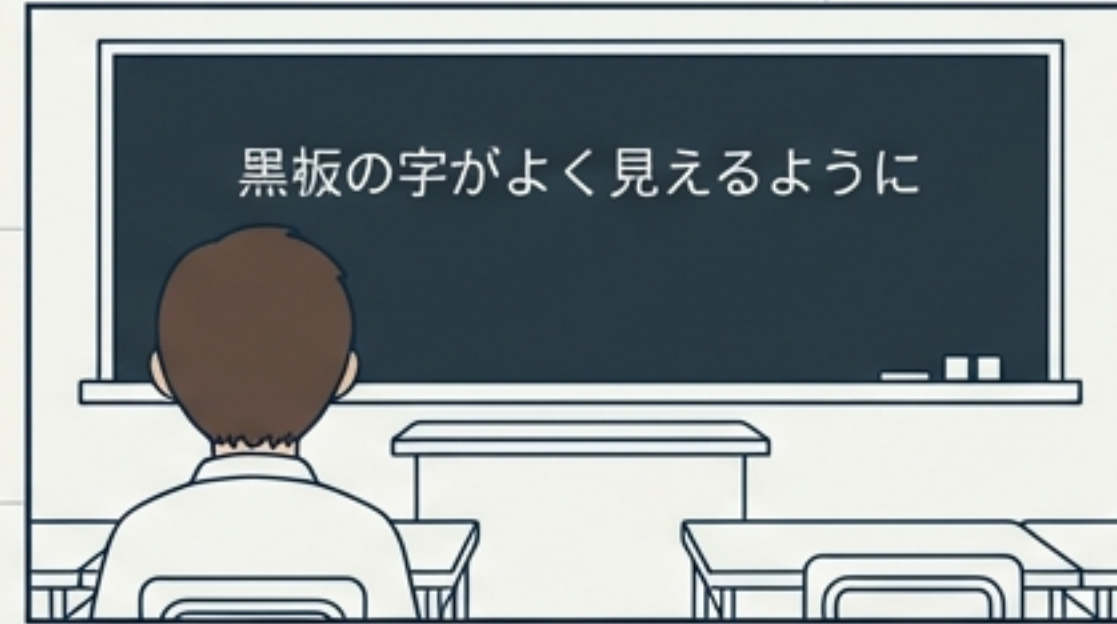
✓ 合格できるように...

Tình huống thực tế: Trong lớp học

Tại sao bạn muốn ngồi ghế đầu?



Từ xa (From afar)



Từ hàng đầu (From the front row)

黒板の字がよく見えるように、前の席に座ります。

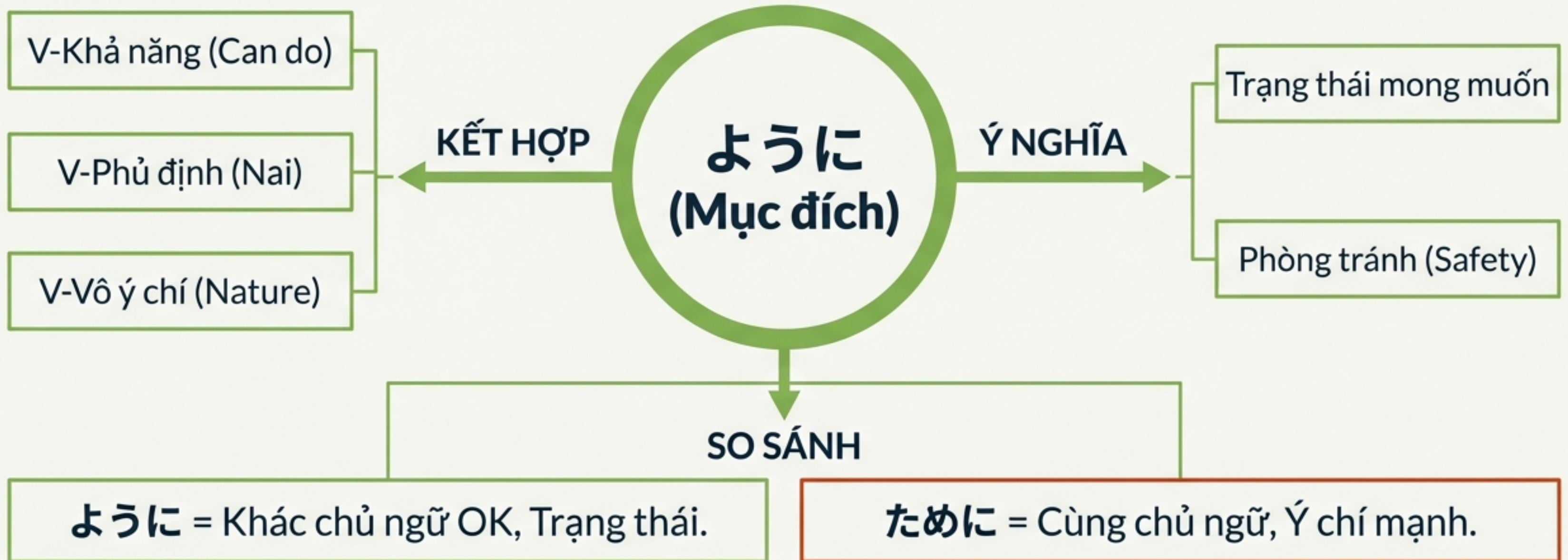
Tôi ngồi ghế trước để **nhìn rõ** chữ trên bảng.

Phân tích (Analysis)

Mục đích: Nhìn rõ (見える) → Động từ Vô ý chí / Giác quan.

Hành động: Ngồi ghế trước.
→ Dùng **ように**.

Tổng hợp kiến thức (Cheat Sheet)



Trạng thái (ようにな) vs Ý chí (ために)

Lời khuyên cho bạn



1. Đừng quá áp lực!

Hãy nhớ quy tắc đơn giản:

- Nếu là "**Có thể...**" hoặc "**Không...**" → Dùng **ように**.
- Nếu là hành động quyết tâm "**Tôi sẽ...**" → Dùng **ために**.

2. Thực hành ngay:

Hãy thử đặt một câu với mục đích "để không quên" ngày hôm nay!

Chúc bạn học tốt và sử dụng tiếng Nhật tự nhiên! (Ganbatte kudasai!)

Nguồn tham khảo

Nội dung được tổng hợp từ các nguồn uy tín:

- Nippon Necota (Youtube)
- Nippon Kyoushi no N1et (Blog)
- Sakura no Ma Japanese Room (Youtube)
- Nihongo to Tabi (Youtube)
- Japanese with Yuka (Youtube)
- Japanese with Kanako (Blog)
- Nihongo NET
- E de waku Nihongo

